

Bản án số: **38/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 30-3-2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thị Thanh Phượng

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Phạm Đức Anh  
2. Ông Nguyễn Văn Hiếu

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Ngô Thị Châu Loan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Huệ- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 553/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Lệ T, sinh năm: 1988

Địa chỉ: số A, tổ B, ấp C, xã Xuân H, huyện X, tỉnh Đồng Nai

*2. Bị đơn:* Anh Trần Thanh Kh, sinh năm: 1981

Địa chỉ: Khu phố 8, phường P, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Nơi ở hiện nay: tổ 7, khu 5, thị trấn G, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

*(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Lệ T trình bày:* Chị và anh Trần Thanh Kh tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn năm 2015 tại Ủy ban nhân xã Xuân H, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

Cuộc sống chung của anh chị không hạnh phúc. Nguyên nhân là do vợ chồng sống không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm sống,

tính tình không hợp nên không có tiếng nói chung, từ đó vợ chồng không còn quan tâm đến nhau mà bỏ mặc nhau. Nay chị không còn tình cảm gì với anh Kh nữa nên yêu cầu được ly hôn với anh Trần Thanh Kh.

Về con chung: anh chị có 01 con chung là cháu Trần Thanh K, sinh ngày: 29/7/2017. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi cháu K và không yêu cầu anh Kh cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: anh chị không có nợ chung.

- *Bị đơn anh Trần Thanh Kh trình bày:* Anh thống nhất về việc kết hôn như chị T trình bày. Trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là vợ anh nghe bạn bè, hàng xóm về gây sự với anh, đi mua đơn ly hôn kêu anh ký nhưng anh không ký, anh tức giận la mắng vợ anh thì vợ anh xếp đồ đạc và mang con về nhà ngoại ở từ tháng 10/2021 đến nay. Từ ngày chị T mang con về ngoại anh vẫn liên lạc để chị T về nhà sống chung nhưng chị T không đồng ý. Mặt khác vợ chồng bất đồng quan điểm sống, chị T trách móc bên nhà chồng không quan tâm đến chị nên vợ chồng hay xảy ra cãi vã, anh theo đạo thiên chúa giáo không được phép ký thuận tình ly hôn. Nay chị T yêu cầu được ly hôn với anh thì anh không đồng ý.

Quá trình chung sống, anh chị có 01 con chung như chị T trình bày. Nếu chị T cương quyết ly hôn, anh đồng ý giao con chung là cháu Trần Thanh K, sinh ngày: 29/7/2017 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: anh chị không có nợ chung.

### **Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Lệ T được ly hôn với anh Trần Thanh Kh.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cháu Trần Thanh K cho chị T nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu anh Kh cấp dưỡng nuôi con nên tạm miễn cấp dưỡng nuôi con cho anh Dũng.

Về tài sản chung: Các bên không yêu cầu Tòa giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Về nợ chung: Các bên khai không có nên không giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên

tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Lệ T, anh Trần Thanh Kh có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh Kh là phù hợp với quy định khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T, anh Kh tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã Xuân H, huyện X, tỉnh Đồng Nai nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy: Chị T khai cuộc sống chung của anh chị không hạnh phúc, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, thường xuyên cãi nhau nên không có tiếng nói chung, dẫn đến vợ chồng không còn quan tâm đến nhau mà bỏ mặc nhau. Anh Kh không đồng ý ly hôn với chị T vì anh cho rằng anh còn thương vợ con, anh Kh cũng thừa nhận vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là vợ anh nghe bạn bè, hàng xóm về gây sự với anh, đi mua đơn ly hôn kêu anh ký nhưng anh không ký, anh tức giận la mắng vợ anh thì vợ anh xếp đồ đạc và mang con về nhà ngoại ở từ tháng 10/2021 đến nay. Từ ngày chị T mang con về ngoại anh vẫn liên lạc để chị T về nhà sống chung nhưng chị T không đồng ý. Mặt khác vợ chồng bất đồng quan điểm sống, chị T trách móc bên nhà chồng không quan tâm đến chị nên vợ chồng hay xảy ra cãi vã, anh theo đạo thiên chúa giáo không được phép ký thuận tình ly hôn. Thấy rằng, chị T cương quyết xin ly hôn nhưng anh Kh không có nỗ lực thật sự để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng dù Tòa án đã tạo điều kiện để vợ chồng hòa giải đoàn tụ nên tình trạng hôn nhân của chị T và anh Kh mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Trần Thanh K, sinh ngày: 29/7/2017. Chị T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu K. Xét thấy, thì anh Kh cũng đồng ý giao cháu Trần Thanh K cho chị T nuôi nên tiếp tục giao cháu K cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T tạm thời không yêu cầu anh Kh cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị T và anh Kh trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị T, anh Kh trình bày anh chị không có nợ chung nên không giải quyết.

[6] Đối với ý kiến và đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35; Điều 39, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 8, Điều 9; Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

*Tuyên xử:* Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – chị Nguyễn Thị Lệ T về việc xin ly hôn với anh Trần Thanh Kh.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Lệ T được ly hôn với anh Trần Thanh Kh.

Quan hệ hôn nhân chấm dứt và giấy chứng nhận kết hôn số 82, quyền số 01/2015 ngày 06/10/2015 do Ủy ban nhân dân xã Xuân H, huyện X, tỉnh Đồng Nai cấp không còn giá trị pháp lý, kể từ ngày bản án, quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Thanh K, sinh ngày 29/7/2014 cho chị Nguyễn Thị Lệ T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Lệ T tạm thời không yêu cầu anh Trần Thanh Kh cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

Anh Trần Thanh Kh được quyền thăm nom con chung nhưng không gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị Nguyễn Thị Lệ T. Khi cần thiết, chị Nguyễn Thị Lệ T và anh Trần Thanh Kh được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung vẫn được pháp luật bảo vệ.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Lệ T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0005947 ngày 18 tháng 11 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc. Chị Nguyễn Thị Lệ T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Lệ T và anh Trần Thanh Kh được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc;
- UBND cấp xã;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Thị Thanh Phượng**